

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 45



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311638652, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh về việc thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi tên doanh nghiệp viết tắt, thay đổi địa chỉ của người đại diện theo pháp luật. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 10 ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 722, Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 0283 9 143 981 – 0283 9 143 982
- Fax : 0283 8 216 446
- Địa chỉ giao dịch : 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022
Ông Lê Đăng Phúc	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Huy Vũ	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Đức Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Đăng Phúc	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2017
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Đăng Phúc – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:


- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc

Ngày 24 tháng 8 năm 2023

815
NHÀ
NG T
HIỆM
ÁN VÀ
A & C
HÀ
A - T

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 2.0534/23/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 24 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		869.660.015.119	760.298.547.287
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	179.592.035.268	153.887.945.943
1. Tiền	111		129.592.035.268	143.887.945.943
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	9.862.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	9.862.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		434.760.013.823	450.214.166.007
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	383.840.803.764	418.381.739.320
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	23.509.198.462	9.638.735.629
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	15.017.000.000	3.012.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	36.172.507.221	39.696.418.386
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(23.789.662.149)	(20.514.727.328)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		10.166.525	-
IV. Hàng tồn kho	140		218.447.323.019	104.226.772.015
1. Hàng tồn kho	141	V.8	218.447.323.019	104.226.772.015
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		36.860.643.009	42.107.663.322
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	6.818.198.382	7.591.586.794
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.033.692.597	33.239.363.344
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	8.752.030	1.276.713.184
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.718.289.627.991	1.664.608.826.442
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.461.072.026	15.461.072.026
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	15.461.072.026	15.461.072.026
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.108.630.512.620	1.133.410.170.958
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.106.888.923.178	1.131.332.874.076
<i>Nguyên giá</i>	222		2.861.265.456.415	2.782.197.383.406
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.754.376.533.237)	(1.650.864.509.330)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	1.392.525.162	1.598.179.878
<i>Nguyên giá</i>	225		2.219.704.000	2.219.704.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(827.178.838)	(621.524.122)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	349.064.280	479.117.004
<i>Nguyên giá</i>	228		1.476.044.000	1.476.044.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.126.979.720)	(996.926.996)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		333.430.880.582	244.483.100.974
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	333.430.880.582	244.483.100.974
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	167.130.245.569	160.279.005.061
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		167.130.245.569	160.279.005.061
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		93.636.917.194	110.975.477.423
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	91.243.938.848	108.456.552.848
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		2.392.978.346	2.518.924.575
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.587.949.643.110	2.424.907.373.729

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.550.993.048.852	1.397.954.824.959
I. Nợ ngắn hạn	310		783.340.607.948	685.001.367.775
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	211.148.853.965	219.024.895.360
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	17.646.001.379	15.066.922.604
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	19.784.482.362	23.644.609.416
4. Phải trả người lao động	314		12.884.527.207	18.383.272.731
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	54.712.019.728	43.727.331.644
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	5.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	132.667.843.873	55.343.712.558
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	327.775.732.537	296.239.981.023
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	6.721.146.897	13.565.642.439
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		767.652.440.904	712.953.457.184
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	-	23.700.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	767.652.440.904	712.929.757.184
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.036.956.594.258	1.026.952.548.770
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	1.036.956.594.258	1.026.952.548.770
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		309.998.860.000	309.998.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		309.998.860.000	309.998.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		291.573.027.962	249.381.338.937
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		27.231.484.678	27.145.979.951
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		171.246.284.147	233.202.153.248
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		107.816.618.959	233.202.153.248
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		63.429.665.188	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		236.906.937.471	207.224.216.634
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.587.949.643.110	2.424.907.373.729

Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đặng Hải Đăng



Vũ Quang Tiên



Lê Đăng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	654.737.524.471	679.209.688.856
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		50.303.636	245.928.840
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		654.687.220.835	678.963.760.016
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	480.626.758.335	545.012.031.952
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		174.060.462.500	133.951.728.064
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.694.397.107	4.319.656.192
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	41.194.666.895	34.680.430.392
Trong đó: chi phí lãi vay	23		40.134.548.571	33.202.796.861
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2	6.851.240.508	4.017.206.888
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.111.092.695	9.978.177.018
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	45.245.408.779	43.285.194.792
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		90.054.931.746	54.344.788.942
12. Thu nhập khác	31	VI.7	3.593.810.682	10.407.655.095
13. Chi phí khác	32	VI.8	661.829.236	1.406.677.677
14. Lợi nhuận khác	40		2.931.981.446	9.000.977.418
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		92.986.913.192	63.345.766.360
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		13.589.933.766	10.241.023.088
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		79.396.979.426	53.104.743.272
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		63.429.665.188	34.440.383.486
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		15.967.314.238	18.664.359.786
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.839	953
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	1.839	953

Người lập biểu

Đặng Hải Đăng

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 031163866
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DỊCH VỤ
BIỂN TÂN CẢNG
C. BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		92.986.913.192	63.345.766.360
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10-12	103.847.731.347	94.027.647.737
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	3.274.934.821	426.020.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3,4	200.237.237	(2.026.710.789)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.235.302.530)	(11.128.418.053)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	40.134.548.571	33.202.796.861
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		232.209.062.638	177.847.102.116
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21.003.823.378	(47.798.662.655)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(114.220.551.004)	(29.526.179.492)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.122.563.556)	38.595.403.559
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		17.986.002.412	5.651.813.901
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(46.837.442.324)	(45.514.803.009)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(12.414.515.557)	(14.318.297.105)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(10.813.130.029)	(13.431.339.393)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		85.790.685.958	71.505.037.922
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(159.687.965.845)	(408.705.510.033)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	16.960.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.862.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.719.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(5.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.191.052.295	443.333.148
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(160.639.913.550)	(396.802.176.885)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		14.300.000.000	11.500.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	344.807.826.153	469.245.439.407
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(258.380.704.717)	(221.585.133.725)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	V.19	(168.686.202)	(247.644.854)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(44.181.687.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		100.558.435.234	214.730.973.328
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		25.709.207.642	(110.566.165.635)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	153.887.945.943	226.306.248.566
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.118.317)	(14.627.574)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	179.592.035.268	115.725.455.357

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đặng Hải Đăng

Vũ Quang Tiên

Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 07 công ty con (05 Công ty con trực tiếp, 02 Công ty con gián tiếp) chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thành lập công ty con

Trong kỳ, Công ty đã tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu với tỷ lệ góp vốn là 51% vốn điều lệ. Mục đích của việc tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu là để mở rộng quy mô và ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp lương thực, thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; cho thuê máy móc thiết bị	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	66,67%	66,67%	66,67%	66,67%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54,00%	54,00%	54,00%	54,00%
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động xây dựng dân dụng khác: nạo vét luồng lạch; Thi công nền móng bằng phương pháp khoan cọc nhồi.	51,00%	60,00%	51,00%	60,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu	808 Lê Hồng Phong, phường Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Trực vớt, nạo vét công trình thủy. Hoạt động cung cấp kho bãi và lưu giữ hàng hóa	100%	-	100%	-
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái (*)	Số 25 Đường 4B Tổ 7 Khu phố 2, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động bán hàng siêu thị, cung cấp dịch vụ ăn uống	28,42%	28,42%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Dương Anh (**)	10/256 Đà Nẵng, phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Nạo vét sông ngòi, đường biển	51%	64,09%	100%	100%

(*) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng.

(**) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Trực vớt và Nạo vét Tân Cảng.

5c. *Danh sách Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Thôn Kiều Lương, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	31%	31%	31%	31%
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	Cảng Tân Cảng - Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	45%	45%	45%	45%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du thuyền Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam)	Số 19-20 Khu đô thị Núi Long, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	35%	35%	25%	25%
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	40D1 Cư xá 307, đường Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	20%	20%	20%	20%

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 675 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 627 nhân viên).

II. **NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

30

15
NH
NG
HIỆN
ÁN V
A &
HÀ
DA -

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính là 5 - 6 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận cố định

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty với các đối tác, trong đó: Công ty là bên nhận và theo dõi vốn góp của đối tác; các đối tác được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng bản chất là hợp đồng vay. Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

- Ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của hoạt động hợp tác kinh doanh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của mình;
- Khoản nhận vốn góp từ các đối tác được phản ánh là khoản đi vay;
- Khoản phân chia kết quả cho các đối tác (được tính trên cơ sở số vốn góp, thời gian góp vốn và tỷ lệ lãi suất cố định) được phản ánh là chi phí tài chính trong kỳ.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

HỒ CHÍ MINH, NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

15-0
NHÂN
CÔNG TY
TỔNG HỢP
& C
TÀI N
4-17

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

2 - C.T.
4
U HẠN
U VẤN
11
HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.725.822.388	5.083.236.847
Tiền gửi ngân hàng	127.866.212.880	118.804.709.096
Tiền đang chuyển	-	20.000.000.000
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	50.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	179.592.035.268	153.887.945.943

2. Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá gốc	Số cuối kỳ Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	121.249.370.000	11.761.332.222	133.010.702.222	121.249.370.000	5.217.917.117	126.467.287.117
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	22.275.000.000	1.313.704.377	23.588.704.377	22.275.000.000	1.067.000.361	23.342.000.361
Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam	10.500.000.000	30.838.970	10.530.838.970	10.500.000.000	(30.282.417)	10.469.717.583
Cộng	156.024.370.000	11.105.875.569	167.130.245.569	156.024.370.000	4.254.635.061	160.279.005.061

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	3.911.270	31,00%	3.911.270	31,00%
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	200.000	20,00%	200.000	20,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	2.025.000	45,00%	2.025.000	45,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam	1.050.000	35,00%	1.050.000	35,00%

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	Công ty Cổ phần Đầu tư và Du thuyền Việt Nam	Cộng
Giá trị sở hữu đầu năm	126.467.287.117	23.342.000.361	10.469.717.583	160.279.005.061
Giá trị đầu tư trong kỳ	-	-	-	-
Lãi lỗ Công ty liên kết	6.543.415.105	246.704.016	61.121.387	6.851.240.508
Lợi nhuận trong kỳ	6.543.415.105	301.579.933	61.121.387	6.906.116.425
Công ty liên kết trích quỹ	-	(54.875.917)	-	(54.875.917)
Giá trị sở hữu cuối kỳ	133.010.702.222	23.588.704.377	10.530.838.970	167.130.245.569

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty liên kết

Giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry		
Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ	12.391.001	-
Chi phí do Gantry cung cấp	4.533.082.429	-

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	121.396.986.793	148.170.082.997
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	82.046.746.949	115.868.510.530
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	-	10.872.000
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	-	449.000.000
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	16.709.793.000	13.154.400.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	18.656.000	14.727.273
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	8.327.801	8.327.801
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	279.073.106	408.195.212
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	1.340.927.886	1.574.249.298
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	20.993.462.051	16.681.800.883
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	262.443.816.971	270.211.656.323
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	14.102.343.750	25.756.224.458
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình Năng Lượng Biển	12.221.720.616	12.221.720.616
Jungwon Maritime Pte. Ltd	21.680.737.947	21.680.737.947
SC Management Co., Ltd	49.392.315.381	45.942.949.039
Marin East Company Limited	27.503.273.849	16.691.330.000
Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí (PTSC Maritime)	9.073.784.804	25.756.224.458
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	24.378.960.368	22.713.551.441
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	7.305.452.802	13.763.313.898
Các khách hàng khác	96.785.227.454	85.685.604.466
Cộng	383.840.803.764	418.381.739.320

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Baker Tilly Advisory Pte Ltd	12.955.250.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Cao su 75	-	1.840.320.000
Wartsila Services Switzerland Ltd. - Wartsila	2.380.228.809	-
Global Logistics Services		
Các nhà cung cấp khác	8.173.719.653	7.798.415.629
Cộng	23.509.198.462	9.638.735.629

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry vay theo hợp đồng số 04/2022/HĐVT/TCO-TCGT ngày 18 tháng 11 năm 2022, bổ sung bởi phụ lục 01-2023/PLHĐVT/TCO-TCGT ngày 10 tháng 04 năm 2023. Giá trị hợp đồng là 19.000.000.000VNĐ với thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày nhận tiền vay đầu tiên. Lãi suất vay cố định 9%/năm, tiền lãi trả định kỳ theo quý. Số tiền vay đã chuyển 15.000.000.000VNĐ theo Giấy báo nợ ngân hàng số BNMB/080/11/22 ngày 30 tháng 11 năm 2022, BNMB/058/02/23 ngày 17/02/2023, BNMB/014/04/23 ngày 03/04/2023, BNMB/008/05/23 ngày 05/05/2023 và BNMB/002/06/23 ngày 01/06/2023.

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	16.270.301.585	-	19.591.040.274	-
Công Ty Cổ phần Tân Cảng	324.493.151	-	23.671.233	-
Gantry - Lãi vay phải thu				
Ông Nguyễn Quốc Dũng (*)	120.000.000	-	240.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng:	15.825.808.434	-	19.327.369.041	-
- Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh thu hồi dần hàng năm	14.959.782.053	-	17.959.782.053	-
- Lợi nhuận được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh	866.026.381	-	1.367.586.988	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	19.902.205.636	-	20.105.378.112	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa đủ điều kiện khấu trừ	15.665.350	-	3.964.835.246	-
Thuế GTGT chưa kê khai	3.302.464.085	-	1.514.499.110	-
Dự thu lãi tiền gửi	52.022.466	-	159.834.657	-
Ký cược, ký quỹ	2.236.541.485	-	3.982.025.923	-
Tạm ứng	12.736.492.935	-	9.988.401.816	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.559.019.315	-	495.781.360	-
Cộng	36.172.507.221	-	39.696.418.386	-

(*) Khoản cho Ông Nguyễn Quốc Dũng - Phó Tổng Giám đốc vay tiền mua tài sản theo Hợp đồng số 001/2021/HĐVT-TCO ngày 26/11/2021, số tiền 480.000.000 VND, lãi suất 0%, mỗi tháng thu hồi 20.000.000 VND bằng cách trừ vào lương, thời hạn thu hồi đến hết ngày 25/11/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	7.546.925.026	-	7.546.925.026	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng Tân Cảng – Tiền góp vốn	7.546.925.026	-	7.546.925.026	-
Hợp tác kinh doanh (*)				
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	7.914.147.000	-	7.914.147.000	-
Ký cược, ký quỹ	7.914.147.000	-	7.914.147.000	-
Cộng	15.461.072.026	-	15.461.072.026	-

- (*) Khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/IDI-KHKD ngày 18 tháng 01 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (Công ty con của Tập đoàn), Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng và Công ty Cổ phần Tân Cảng Sóng Thần để thực hiện đầu tư xây dựng và khai thác Kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần. Thời gian hợp tác là 49 năm kể từ ngày Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn bàn giao cơ sở hạ tầng. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 146.298.243.128 VND, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng là 50% tương đương 73.149.121.564 VND. Vốn góp được thu hồi dần hàng năm, thông qua khấu hao tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác kinh doanh. Hiệu quả kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Linh Ngọc Ngân	> 3 năm	6.330.691.818	(1.245.653.127)	> 3 năm	6.418.557.288	(5.627.143.844)
Jungwon Maritime Pte. Ltd	> 3 năm	21.267.976.405	(21.267.976.405)	Từ 2 - <3 năm	21.267.976.405	(14.887.583.484)
Bệnh viện 30-4	Từ 1-2 năm	2.087.820.000	(1.043.910.000)		-	-
Các khách hàng khác		317.525.896	(232.122.617)		-	-
Cộng		30.004.014.119	(23.789.662.149)		27.686.533.693	(20.514.727.328)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	20.514.727.328	17.838.512.047
Trích lập dự phòng bổ sung	3.274.934.821	426.020.000
Số cuối kỳ	23.789.662.149	18.264.532.047

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.208.954.627	14.568.985.727
Công cụ, dụng cụ	25.284.908	38.751.283
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	213.164.121.247	85.477.312.302
Thành phẩm	52.735.646	37.398.076
Hàng hóa	1.996.226.591	4.104.324.627
Cộng	218.447.323.019	104.226.772.015

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	4.174.240.519	4.904.931.130
Chi phí sửa chữa tài sản	792.208.094	907.228.097
Chi phí công cụ dụng cụ	572.786.558	419.261.994
Chi phí khác	1.278.963.211	1.360.165.573
Cộng	6.818.198.382	7.591.586.794

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	32.682.656.108	37.218.916.183
Chi phí sửa chữa, bồi dưỡng tàu và tài sản khác	32.197.759.927	31.704.188.993
Chi phí duy tu cảng, đường bãi container	21.717.675.327	30.881.159.490
Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.645.847.486	8.652.288.182
Cộng	91.243.938.848	108.456.552.848

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	446.107.021.574	1.142.388.158.741	1.191.175.884.371	1.298.098.465	1.228.220.255	2.782.197.383.406
Mua trong kỳ	-	1.415.213.636	77.652.859.373	-	-	79.068.073.009
Số cuối kỳ	446.107.021.574	1.143.803.372.377	1.268.828.743.744	1.298.098.465	1.228.220.255	2.861.265.456.415
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	416.102.514.510	562.244.201.198	11.407.718.869	973.591.274	1.159.583.891	991.887.609.742
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	416.531.032.871	900.457.184.922	331.519.565.059	1.157.242.586	1.199.483.892	1.650.864.509.330
Khấu hao trong kỳ	8.083.923.117	41.893.165.260	53.454.529.096	70.217.042	10.189.392	103.512.023.907
Số cuối kỳ	424.614.955.988	942.350.350.182	384.974.094.155	1.227.459.628	1.209.673.284	1.754.376.533.237
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	29.575.988.703	241.930.973.819	859.656.319.312	140.855.879	28.736.363	1.131.332.874.076
Số cuối kỳ	21.492.065.586	201.453.022.195	883.854.649.589	70.638.837	18.546.971	1.106.888.923.178
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.017.234.409.679 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng.

19/12/23 12h
15-0
NHÂN
IG TY
IEM H
N VÀ T
& C
HÀ NI
4 - TP

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tài sản cố định thuê tài chính**

Là phương tiện vận tải truyền dẫn.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.219.704.000	(621.524.122)	1.598.179.878
Khấu hao trong kỳ	-	(205.654.716)	205.654.716
Số cuối kỳ	2.219.704.000	(827.178.838)	1.392.525.162

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

12. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.476.044.000	(996.926.996)	479.117.004
Khấu hao trong năm	-	(130.052.724)	(130.052.724)
Số cuối năm	1.476.044.000	(1.126.979.720)	349.064.280

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển phân bổ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	82.840.793.909	159.777.389.147	(77.652.859.373)	(154.680.000)	164.810.643.683
Mua sắm tàu 16HO	54.461.423.909	23.438.673.710	(77.652.859.373)	(154.680.000)	92.558.246
Mua sắm Toà nhà văn phòng 2023	-	107.000.000.000	-	-	107.000.000.000
Mua sắm tàu ASD 2811	28.379.370.000	29.338.715.437	-	-	57.718.085.437
Xây dựng cơ bản dở dang (*)	150.248.101.075	4.189.890.624	-	-	154.437.991.699
Dự án 52 – 58 Trần Phú	542.740.734	-	-	-	542.740.734
Dự án Khách sạn Hà Nội Golden Nha Trang	143.549.952.932	4.189.890.624	-	-	147.739.843.556
Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng	3.013.636.364	-	-	-	3.013.636.364
Dự án khác	3.141.771.045	-	-	-	3.141.771.045
Sửa chữa lớn tài sản cố định (sửa chữa ks Navy NT)	11.394.205.990	2.788.039.210	-	-	14.182.245.200
Cộng	244.483.100.974	166.755.318.981	(77.652.859.373)	(154.680.000)	333.430.880.582

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản có giá trị theo sổ sách là 226.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng.

(*) Các công trình xây dựng cơ bản dở dang trong năm không thực hiện thêm và sẽ được tiếp tục khi tình hình khả quan hơn.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	27.060.389.871	22.861.585.729
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.271.018.498	1.177.994.795
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	3.256.058.585	5.507.927.516
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	8.702.200.000	8.035.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	595.098.571	539.003.535
Công ty TNHH MTV Hải sản Trường Sa	6.728.817.532	3.740.204.100
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	632.081.163	787.255.663
Công ty TNHH MTV 128	3.075.561.200	1.442.060.510
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	2.799.554.322	1.631.939.610
Phải trả các nhà cung cấp khác	184.088.464.094	196.163.309.631
Công ty TNHH Xăng dầu Long Sơn	17.520.500.000	11.473.000.000
Công ty TNHH Cơ giới Mỹ Dung	8.077.074.582	13.077.074.582
Aussie Offshore Services Limited	21.732.273.388	28.211.714.244
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	33.672.093.623	32.389.903.015
Các nhà cung cấp khác	103.086.522.501	111.011.617.790
Cộng	211.148.853.965	219.024.895.360

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Xây dựng Thịnh Sơn Hà	1.683.936.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật xây dựng biển	6.842.882.875	6.002.882.875
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Huỳnh Thy	8.923.233.200	8.923.233.200
Các khách hàng khác	195.949.304	140.806.529
Cộng	17.646.001.379	15.066.922.604

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.162.519.249	4.474.810	6.775.714.901	(4.269.384.476)	4.664.374.864	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	3.955.392.000	-	2.983.944.468	(6.939.336.468)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	2.354.400.000	-	304.647.917	(2.659.047.917)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.063.629.610	1.260.271.807	13.097.321.919	(12.414.515.557)	13.486.239.209	75.044
Thuế thu nhập cá nhân	895.419.491	11.966.567	3.298.655.885	(3.293.036.490)	895.749.305	6.676.986
Thuế nhà đất	131.835.502	-	892.524.985	(373.005.067)	651.355.420	-
Tiền thuê đất	43.200.000	-	8.350.000	(4.000.000)	47.550.000	-
Các loại thuế khác	-	-	52.000.000	(53.000.000)	1.000.000	2.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	38.213.564	-	461.036.582	(461.036.582)	38.213.564	-
Cộng	23.644.609.416	1.276.713.184	27.874.196.657	(30.466.362.557)	19.784.482.362	8.752.030

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu, dịch vụ cung cấp quốc tế 0%
- Hàng hóa nông sản sơ chế hoặc chưa qua chế biến khi bán cho các đơn vị Quân đội, khách hàng lẻ 5%
- Hàng hóa, dịch vụ còn lại 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty mẹ phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (kể từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026) đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, bắt đầu từ năm 2014 đến năm 2028.

Các Công ty con trong Tập đoàn phải nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	12.832.432.000	9.186.375.455
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thuê đất và thuê văn phòng	8.940.632.000	8.964.927.455
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa - Phí cầu cảng	3.891.800.000	221.448.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	41.879.587.728	34.540.956.189
Lãi vay phải trả	10.365.005.672	17.067.899.425
Chi phí thuê tàu phải trả	12.517.003.700	567.765.000
Chi phí nhiên liệu phải trả	1.635.399.913	1.761.763.549
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.242.081.641	12.952.574.989
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.120.096.802	2.190.953.226
Cộng	54.712.019.728	43.727.331.644

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	53.634.636.659	25.753.573.252
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	53.130.207.616	25.178.802.990
Cổ tức phải trả	52.018.310.000	24.118.312.500
Phải trả thanh toán thừa	129.489.010	965.826.067
Khoản BHXH và khoản thu hộ phải trả	982.408.606	94.664.423
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	504.429.043	574.770.262
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	79.033.207.214	29.590.139.306
Tài sản thừa chờ giải quyết	18.603.654	33.475.000
Cổ tức phải trả	65.091.137.208	15.491.419.708
Kinh phí công đoàn	458.935.920	529.947.174
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	447.922.710	148.264.798
Công ty Cổ phần Việt Nam Travelmart Đà Nẵng ⁽¹⁾	1.750.718.000	1.767.518.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.230.808.300	2.230.808.300
Các khoản chi hộ phải trả	1.489.183.988	1.718.559.673
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng biển	6.500.000.000	6.500.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.045.897.434	1.170.146.653
Cộng	132.667.843.873	55.343.712.558

- (1) Khoản góp vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1807/TCOTS-VNTM ngày 18 tháng 7 năm 2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Việt Nam Travelmart (VNTM) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (Công ty con) để thực hiện dự án quản lý, khai thác nhà khách Ngoại vụ kết hợp An dưỡng Vùng 3 Hải Quân tại Đà Nẵng. Theo Biên bản thanh lý thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 31/12/2019, Công ty con mua lại phần vốn góp của VNTM bằng số tiền VNTM đã thực góp. Thời hạn thanh toán lần 01 số tiền 1.162.570.000 VND trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký biên bản thanh lý, phần còn lại sẽ được thanh toán bằng hình thức khấu trừ dần trên doanh thu VNTM sử dụng tại khách sạn Navy Đà Nẵng và Bãi Cát Vàng (nếu có). Trong trường hợp Công ty con không còn quyền khai thác khách sạn Navy Đà Nẵng, số tiền còn lại sẽ được chuyển cho VNTM một lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**18b. Phải trả dài hạn khác**

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

19. Vay và nợ thuê tài chính**19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn bên liên quan	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam	5.000.000.000	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng	171.696.019.958	161.548.997.565
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	65.841.547.781	54.701.083.929
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú	44.356.762.785	51.909.365.164
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	49.847.218.530	33.523.110.546
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	21.415.437.926
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	11.650.490.862	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	150.742.340.175	134.353.611.054
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú	13.659.894.800	28.750.321.882
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Vũng Tàu	8.905.400.000	8.905.400.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	62.514.881.748	44.836.161.748
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	49.360.485.151	47.715.673.568
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	6.682.142.856	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	1.654.698.000	1.288.911.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đô Thành	7.964.837.620	2.857.142.856
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	337.372.404	337.372.404
Cộng	327.775.732.537	296.239.981.023

Thông tin bổ sung về các khoản vay ngắn hạn:

<u>Ngân hàng/Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam				
Hợp đồng cho vay tiền số 01/2023/HĐCV/YICO ngày 09 tháng 01 năm 2023	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Số tiền vay 5.000.000.000 VND	12 tháng	10%/năm	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam				
Hợp đồng cấp tín dụng số 0038/2275/N-CTD ngày 19 tháng 4 năm 2022. Sửa đổi bổ sung theo hợp đồng sửa đổi ngày 12 tháng 01 năm 2023.	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 100.000.000.000 VND	12 tháng	6% đến 8,4%/năm	Cầm cố tài khoản tiền gửi tại VCB / Thẻ chấp hai Cầu RTG 6+1/ Thẻ chấp 01 cầu bờ trực hiệu Kocks 73013/ Các quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng cho thuê thiết bị với Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Ngân hàng/Hợp đồng vay</i>	<i>Mục đích vay/Hạn mức</i>	<i>Thời hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội				
Hợp đồng tín dụng số 87252.22.151.1131175.TD ngày 23/09/2022	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	7% đến 9,5%/năm	02 cầu bờ container hiệu Kocks, Tàu TC Royal
Hợp đồng số 6771.22.151.2322196.TD ngày 10 tháng 3 năm 2022	Cấp tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh, hạn mức tín dụng 40.000.000.000 VND	Đến ngày 17/02/2023	5,8%/năm	Dùng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay và các tài sản khác của Công ty
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa				
Hợp đồng tín dụng số 01/2023/12827294/HĐTĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	7% đến 9%/năm	02 cầu bờ Container hiệu Kocks
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn				
Hợp đồng tín dụng số SHBVN/BSG/HDTD/TANCANG/202210-001 ngày 01/11/2022	Hạn mức tín dụng là 30 tỷ VND, mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung nhu cầu vốn lưu động.	12 tháng	7,3% đến 7,6%/năm	01 cầu Kocks Q30

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn bên liên quan	-	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	161.548.997.565	186.732.348.153	-	(176.585.325.760)	171.696.019.958
Vay dài hạn đến hạn trả	134.353.611.054	-	83.184.108.078	(66.795.378.957)	150.742.340.175
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	337.372.404	-	168.686.202	(168.686.202)	337.372.404
Cộng	296.239.981.023	191.732.348.153	83.352.794.280	(243.549.390.919)	327.775.732.537

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn các cá nhân là bên liên quan	66.000.000.000	81.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	557.019.970.893	517.128.600.971
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	12.649.449.802	18.609.057.202
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	17.810.800.000	22.263.500.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	252.647.495.366	212.404.936.240
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	151.442.687.100	158.169.857.467
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	85.197.321.430	88.538.392.918
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	37.272.217.195	17.142.857.144
Vay dài hạn các cá nhân khác	143.800.000.000	113.800.000.000
Nợ thuê tài chính	832.470.011	1.001.156.213
Cộng	767.652.440.904	712.929.757.184

3-04
 ANI
 TY
 HƯ
 À T
 C
 NG
 TP

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trong đó:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn các tổ chức ⁽ⁱ⁾	557.019.970.893	517.128.600.971
Vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	209.800.000.000	194.800.000.000
Nợ thuê tài chính ⁽ⁱ⁾	832.470.011	1.001.156.213
Cộng	<u>767.652.440.904</u>	<u>712.929.757.184</u>

⁽ⁱ⁾ Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn:

<u>Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội				
Hợp đồng tín dụng ngày 14/3/2019	Đầu tư tàu Armada Tuah 304/ Hạn mức vay tương đương 3.220.000 USD	05 năm	11%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Các hợp đồng vay ký kết trong các năm 2016 và 2020	Đầu tư xây dựng kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần; thanh toán tiền mua thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu khu vực Cảng và Phao xuất dầu không bền; đầu tư 1 tàu đa năng Pacific Vigour, số hiệu IMO 9443530	05 năm đến 10 năm	7% đến 9%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng
Hợp đồng vay số 21871.22.103.17529583.TD ngày 19 tháng 5 năm 2022	Mục đích vay để đầu tư mua sắm Tài sản cố định		Thả nổi	Tiền gửi, Tiền ký quỹ Tại Ngân hàng TMCP Quân đội và Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam				
Hợp đồng ngày 26/4/2021	Đầu tư tàu TC Dolphin	05 năm	7%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số ngày 8/11/2021	Đầu tư tàu nạo vét xén thổi 650	07 năm	7,29%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng tín dụng ngày 14 tháng 7 năm 2021	Tái tài trợ khoản vay vốn đầu tư trung hạn không tuần hoàn tại Ngân hàng TMCP Quân đội	54 tháng	7%/năm	Tàu TC Vigour, số hiệu IMO 9443530
Hợp đồng vay SHBVN/CMC/092023/TCO ngày 10 tháng 04 năm 2023	Thanh toán phí chuyển nhượng tòa nhà văn phòng/ số tiền vay: 77.000.000.000 VND	7 năm	9%/năm	Tòa nhà văn phòng
Hợp đồng tín dụng số SHBVN/CMC/062022/HDTD	Mua tàu lai ASD 2813	07 năm	7,29%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga				
Hợp đồng số ngày 04/5/2021	Đầu tư mua tàu TC Eagle	05 năm	10,2%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				
Hợp đồng ngày 12/6/2018	Đầu tư 02 cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer/ Hạn mức vay: 317.514.000.000 VND	106 tháng	9,3%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng ngày 15/6/2022	Đầu tư mua tàu TAG14	60 tháng	9,8%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng tín dụng số 01/2022/HĐCVDAD/NHCT12 6-TCM ngày 25/08/2022	Để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án tài trợ đầu tư tàu lai ASD 2811 phục vụ sản xuất kinh doanh	84 tháng	8%/năm	01 tàu ASD 2811
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam				
Hợp đồng vay số 4700-LAV-202200173 ngày 31/3/2022	Đầu tư nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và công	180 tháng	8%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
	trình gắn liền với đất và công trình gắn liền với đất			
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – chi nhánh Đô Thành				
Hợp đồng cho vay số 3012/2022/HĐCV ngày 30/12/2022	Mục đích sử dụng vốn vay để thanh toán các chi phí đầu tư mua mới tàu hút xén thối (Dredger) TCDG CSD02 để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	84 tháng	13,3%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh				
Hợp đồng số 85.19.01/CTTC ngày 20/2/2019	02 chiếc xe ô tô tải KIA nhãn hiệu Thaco Frontier K200-ĐL	72 tháng	9,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay

(ii) Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn cá nhân:

Khoản vay dài hạn các cá nhân để tăng cường vốn cho hoạt động offshore (thời hạn vay 05 năm, tự động gia hạn), đầu tư mua tàu TC89, đầu tư thiết bị ROV, đầu tư vào dự án Cầu Kocks và đầu tư mua tàu TC Fortune (thời hạn vay theo thời gian hoạt động của dự án, lần lượt là 10 năm, 7 năm, 8 năm và 10 năm). Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư tàu TC 89, đầu tư tàu TC Fortune và Phục vụ hoạt động offshore (lãi suất 9%/năm)	118.000.000.000	133.000.000.000
Bên liên quan	35.000.000.000	50.000.000.000
Các cá nhân khác	83.000.000.000	83.000.000.000
Đầu tư thiết bị ROV ATOM và cầu Kocks (lãi suất 25%/năm)	31.800.000.000	31.800.000.000
Bên liên quan	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cá nhân khác	30.800.000.000	30.800.000.000
Cộng	149.800.000.000	164.800.000.000

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn bên liên quan	66.000.000.000	-	66.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	707.762.311.068	150.742.340.175	437.503.878.355	119.516.092.538
Vay dài hạn các cá nhân khác	143.800.000.000	-	143.800.000.000	-
Nợ thuê tài chính	1.169.842.415	337.372.404	832.470.011	-
Cộng	918.732.153.483	151.079.712.579	648.136.348.366	119.516.092.538
Số đầu năm				
Vay dài hạn bên liên quan	81.000.000.000	-	81.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	561.059.128.770	103.136.456.070	352.741.382.878	105.181.289.822
Vay dài hạn các cá nhân khác	96.100.000.000	-	96.100.000.000	-
Nợ thuê tài chính	1.513.013.928	511.857.715	1.001.156.213	-
Cộng	739.672.142.698	103.648.313.785	530.842.539.091	105.181.289.822

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn các bên liên quan	81.000.000.000	-	-	(15.000.000.000)	66.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	517.128.600.971	123.075.478.000	(83.184.108.078)	-	557.019.970.893
Vay dài hạn các cá nhân	113.800.000.000	30.000.000.000	-	-	143.800.000.000
Nợ thuê tài chính	1.001.156.213	-	(168.686.202)	-	832.470.011
Cộng	712.929.757.184	153.075.478.000	(83.352.794.280)	(15.000.000.000)	767.652.440.904

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.684.997.624	-	(1.198.944.444)	486.053.180
Quỹ phúc lợi	9.931.569.486	1.020.855.219	(8.179.185.585)	2.773.239.120
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.949.075.329	2.812.779.268	(1.300.000.000)	3.461.854.597
Cộng	13.565.642.439	3.833.634.487	(10.678.130.029)	6.721.146.897

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Kỳ trước	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	267.981.250.000	247.676.124.253	229.694.825.815	27.009.146.352	186.351.137.092	958.712.483.512
Phát hành cổ phần tăng vốn từ quý đầu tư phát triển	42.017.610.000	(42.017.610.000)	-	-	-	-
Góp vốn thành lập Công ty con	-	-	-	-	11.500.000.000	11.500.000.000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	34.440.383.486	-	18.664.359.786	53.104.743.272
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ	-	40.486.129.937	(45.209.511.763)	-	-	(4.723.381.826)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong kỳ	-	-	(66.995.312.500)	-	(7.350.000.000)	(74.345.312.500)
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	3.236.694.747	(5.852.919.297)	293.433.599	(2.274.511.102)	(4.597.302.053)
Sử dụng quỹ tại Công ty con	-	-	-	(156.600.000)	(133.400.000)	(290.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	309.998.860.000	249.381.338.937	146.077.465.741	27.145.979.951	206.757.585.776	939.361.230.405
Kỳ này						
Số dư đầu năm nay	309.998.860.000	249.381.338.937	233.202.153.248	27.145.979.951	207.224.216.634	1.026.952.548.770
Góp vốn bằng tiền trong kỳ	-	-	-	-	14.300.000.000	14.300.000.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	63.429.665.188	-	15.967.314.238	79.396.979.426
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ	-	42.191.689.025	(45.004.468.293)	-	-	(2.812.779.268)
Trích kinh phí HĐQT, BKS	-	-	(2.109.584.451)	-	-	(2.109.584.451)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(77.499.715.000)	-	-	(77.499.715.000)
Trích lập các quỹ năm nay tại Công ty con	-	-	(771.766.545)	220.504.727	(469.593.401)	(1.020.855.219)
Sử dụng quỹ khác tại Công ty con	-	-	-	(135.000.000)	(115.000.000)	(250.000.000)
Số dư cuối năm kỳ này	309.998.860.000	291.573.027.962	171.246.284.147	27.231.484.678	236.906.937.471	1.036.956.594.258

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	111.599.990.000	111.599.990.000
Các cổ đông khác	198.398.870.000	198.398.870.000
Cộng	<u>309.998.860.000</u>	<u>309.998.860.000</u>

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	30.999.886	30.999.886
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	30.999.886	30.999.886
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.999.886	30.999.886

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 77.499.715.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	: 42.191.689.025
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành (2% LNST)	: 2.812.779.268
• Trích kinh phí HĐQT, BKS (1,5% LNST)	: 2.109.584.451

Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/BBH-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 như sau:

	<u>VND</u>
<i>Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước</i>	
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST)	: 1.020.855.219
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành (2% LNST)	: 408.342.087

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.069.227,27	2.356.462,49
Euro (EUR)	50,00	50,00

15-
HÁ
G T
M I
VÀ
& C
Á I
- T

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	74.149.906.202	99.371.203.460
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	85.397.802.487	106.178.760.065
Doanh thu dịch vụ ngoài khơi	444.355.711.038	416.914.511.138
Doanh thu bán tàu, sà lan	-	23.750.000.000
Doanh thu nạo vét cầu cảng	16.391.499.797	-
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh	6.594.610.152	6.589.960.778
Doanh thu dịch vụ khác	27.847.994.795	26.405.253.415
Cộng	654.737.524.471	679.209.688.856

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Xem thuyết minh VII.1

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	12.310.440.176	49.563.567.595
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	68.882.596.914	87.446.014.811
Giá vốn cung cấp dịch vụ ngoài khơi	356.720.408.064	381.632.721.191
Giá vốn bán tàu, sà lan	-	40.000.000
Giá vốn nạo vét cầu cảng	13.449.892.106	-
Giá vốn từ hợp tác kinh doanh	4.131.550.917	3.937.834.516
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	25.131.870.158	22.391.893.839
Cộng	480.626.758.335	545.012.031.952

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn và tương đương tiền	651.075.722	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.308.739.888	1.893.421.432
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.026.710.789
Lãi cho vay	732.986.300	399.493.247
Doanh thu tài chính khác	1.595.197	30.724
Cộng	3.694.397.107	4.319.656.192

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	40.134.548.571	33.202.796.861
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	752.419.561	1.092.529.736
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	200.237.237	-
Chi phí tài chính khác	107.461.526	385.103.795
Cộng	41.194.666.895	34.680.430.392

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.768.671.406	4.752.856.588
Chi phí vật liệu, bao bì	39.811.642	35.150.855
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	300.190.341	407.308.329
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.750.000	3.750.000
Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa	4.958.333	7.274.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.078.413.185	3.373.820.132
Các chi phí khác	915.297.788	1.398.016.116
Cộng	8.111.092.695	9.978.177.018

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	26.621.299.248	22.578.471.842
Chi phí vật liệu quản lý	496.054.119	328.155.433
Chi phí đồ dùng văn phòng	701.854.503	1.194.228.535
Chi phí khấu hao tài sản cố định	596.899.530	542.702.041
Thuế, phí và lệ phí	152.261.983	127.906.359
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	3.274.934.821	426.020.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.764.915.346	11.109.212.926
Các chi phí khác	3.637.189.229	6.978.497.656
Cộng	45.245.408.779	43.285.194.792

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý TSCĐ	-	6.711.717.918
Thu tiền bồi thường	3.521.405.450	3.685.563.384
Xử lý vật tư thừa do kiểm kê	-	1.226.507
Thu nhập khác	72.405.232	9.147.286
Cộng	3.593.810.682	10.407.655.095



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	536.332.555	47.361.084
Bảo hiểm chậm nộp	7.925.975	2.364.636
Phạt hành chính	-	1.352.326.794
Xử lý vật tư thiếu do kiểm kê	-	3.083.245
Chi phí khác	117.570.706	1.541.918
Cộng	661.829.236	1.406.677.677

9. Lãi trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	63.431.148.285	34.440.383.486
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, kinh phí hoạt động của Ban điều hành (*)	(6.431.712.853)	(4.883.047.048)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	56.999.435.432	29.557.336.438
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	30.999.886	30.999.886
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.839	953

(*) Số trích quỹ được ước tính theo tỷ lệ trích quỹ được quy định trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty mẹ và các công ty con.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	135.418.173.146	123.363.129.809
Chi phí nhân công	128.468.558.833	94.072.243.642
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.847.731.347	94.027.647.737
Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.572.432.783	200.184.220.295
Chi phí khác	20.745.035.568	35.444.311.139
Cộng	578.051.931.677	547.091.552.622

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch không có công nợ với các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này					
Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	-
Nguyễn Sơn	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
Lê Đăng Phúc	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	476.880.600	-	-	476.880.600
Phạm Huy Vũ	Trưởng BKS	238.970.721	-	-	238.970.721
Vũ Hải Yến	Thành viên BKS	-	-	-	-
Phạm Đức Duy	Thành viên BKS	163.366.080	-	-	163.366.080
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	306.423.678	-	-	306.423.678
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	306.423.678	-	-	306.423.678
Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc (từ 29/06/2023)	47.581.000	-	-	47.581.000
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	284.351.100	-	-	284.351.100
Cộng		1.823.996.857	-	-	1.823.996.857
Kỳ trước					
Hội đồng quản trị					
Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch (từ ngày 28/04/2022)	-	-	-	-
Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch (đến ngày 28/04/2022)	-	-	108.000.000	108.000.000
Nguyễn Sơn	Thành viên HĐQT	-	-	90.000.000	90.000.000
Lê Đăng Phúc	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	564.000.000	97.000.000	-	661.000.000
Phạm Huy Vũ	Trưởng BKS	225.600.000	37.600.000	-	263.200.000
Vũ Hải Yến	Thành viên BKS	-	-	-	-
Phạm Đức Duy	Thành viên BKS	56.400.000	3.000.000	-	59.400.000
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên BKS	199.750.000	39.950.000	-	239.700.000
Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên BKS	-	-	-	-
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	324.300.000	57.050.000	-	381.350.000
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	324.300.000	57.050.000	-	381.350.000
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	282.000.000	50.000.000	-	332.000.000
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	267.900.000	47.650.000	-	315.550.000
Cộng		2.244.250.000	389.300.000	198.000.000	2.831.550.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác có phát sinh giao dịch với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry)	Công ty liên kết (từ ngày 29/11/2021)
Công ty Cổ phần Du lịch – Giải trí Saigon Today	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hải sản Trường Sa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Petro Cam Ranh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng – Cái Mép Thị Vải	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ, cho thuê tài sản cho các đơn vị:</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	69.125.527.616	81.204.528.757
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	138.705.965	138.667.184
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	1.677.555.349	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Petro Cam Ranh	132.013.468	-
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	30.057.279.095	30.275.454.000
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	53.419.093.909	35.095.312.412
<i>Sử dụng dịch vụ của các đơn vị:</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	675.827.296	2.007.877.330
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	232.264.900	3.227.157.150
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	631.165.150	81.969.500
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa	5.277.046.000	2.293.016.892
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	1.687.572.027	957.528.827

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hải Phòng		
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Petro Cam Ranh	5.580.000.000	5.580.000.000

Chi trả cổ tức cho:

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	27.899.997.500	24.118.312.500
---	----------------	----------------

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.14, V.17, V.18 và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ ngoài khơi.
- Lĩnh vực kinh doanh: Bán hàng hóa thành phẩm.
- Lĩnh vực kinh doanh: Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị.
- Lĩnh vực kinh doanh: Các lĩnh vực khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Dịch vụ ngoài khơi	Bán hàng hóa thành phẩm	Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	444.355.711.038	85.397.802.487	74.149.906.202	50.783.801.108	654.687.220.835
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	444.355.711.038	85.397.802.487	74.149.906.202	50.783.801.108	654.687.220.835
Giá vốn hàng bán	(356.720.408.064)	(68.882.596.914)	(12.310.440.176)	(42.713.313.181)	(480.626.758.335)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	87.635.302.974	16.515.205.573	61.839.466.026	8.070.487.927	174.060.462.500
Chi phí bán hàng					(8.111.092.695)
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(45.245.408.779)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					120.703.961.026
Doanh thu hoạt động tài chính					3.694.397.107

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Dịch vụ ngoài khơi	Bán hàng hóa thành phẩm	Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Các lĩnh vực khác	Cộng
Chi phí tài chính					(41.194.666.895)
Lãi lỗ công ty liên kết					6.851.240.508
Thu nhập khác					3.593.810.682
Chi phí khác					(661.829.236)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(13.589.873.766)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					79.396.979.426
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	416.914.511.138	106.178.760.065	99.371.203.460	56.499.285.353	678.963.760.016
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	416.914.511.138	106.178.760.065	99.371.203.460	56.499.285.353	678.963.760.016
Giá vốn hàng bán	(381.632.721.191)	(87.446.014.811)	(49.563.567.595)	(26.369.728.355)	(545.012.031.952)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	35.281.789.947	18.732.745.254	49.807.635.865	30.129.556.998	133.951.728.064
Chi phí bán hàng					(8.111.092.695)
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(45.245.408.779)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					80.595.226.590
Doanh thu hoạt động tài chính					4.319.656.192
Chi phí tài chính					(34.680.430.392)
Lãi lỗ công ty liên kết					4.017.206.888
Thu nhập khác					10.407.655.095
Chi phí khác					(1.406.677.677)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(10.241.023.088)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					53.011.613.608

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Dịch vụ ngoài khơi	Bán hàng hóa thành phẩm	Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.528.992.906.880	411.405.074.721	183.441.976.853	301.311.755.020	2.425.151.713.474
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					162.797.929.636
Tổng tài sản					2.587.949.643.110
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	792.976.787.896	237.973.281.352	348.950.256.023	144.587.094.322	1.524.487.419.593
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					26.505.629.259
Tổng nợ phải trả					1.550.993.048.852
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.473.678.145.503	427.118.427.662	151.463.339.334	209.849.531.594	2.262.109.444.093
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					162.797.929.636
Tổng tài sản					2.424.907.373.729
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	675.914.920.242	241.713.051.629	344.768.643.568	98.347.957.665	1.360.744.573.104
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					37.210.251.855
Tổng nợ phải trả					1.397.954.824.959

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc

Đặng Hải Đăng

Vũ Quang Tiến

Lê Đăng Phúc